

# PHẬT TỔ THỐNG KÝ

## QUYỂN 29

### XI : GHI VỀ CÁC TÔNG LẬP GIÁO

#### ĐẠT - MA THIÊN TÔNG

- Sư Tổ: Đạt-ma Viên Giác Thiên Sư.
- Nhị Tổ: Tuệ Khả Đại Tổ Thiên Sư.
- Tam Tổ: Tăng Xán Cảnh Trí Thiên Sư.
- Tứ Tổ, Đạo Tín Đại Y Thiên Sư.
- Ngũ Tổ: Hoằng Nhẫn Đại Mãn Thiên Sư.
- Lục Tổ: Tuệ Năng Đại Giám Thiên Sư.

Chỉ thẳng tâm người thấy Tánh thành Phật thật rất ráo thay, đó là diệu chỉ quán tâm của Tông Thiên thai ta vậy. Bảo đó là “giáo ngoại biệt truyền” thì quả thực đâu phải ngoài thứ này mà là giáo ư? Thật ra là do đạo này lấy Tâm là Tông, vì lìa bỏ tướng ngôn thuyết, gượng dùng phương tiện này mà nói. Không thế thì sao lại chỉ ra Kinh Lăng Già bảo đọc để chiếu sáng Tâm mình và sao lại nói nhập Đạo Đại thừa phải nhờ giáo mà ngộ Tông? Vì đồng với Tông Thiên thai này nên nay soạn phần Đạt-ma Thiên Tông Chí sau đây (xem Giáo chiếu sáng Tâm thì thấy ở Bản Chí, còn “nhờ Giáo ngộ Tâm” thì thấy ở bốn hạnh Đạt-ma nhập Đạo).

#### 1. SƠ TỔ BỒ-ĐỀ-ĐẠT MA

Ngài là con vua Hương Chí ở Nam Thiên Trúc. Sau khi xuất gia ngài được Tổ thứ hai mươi bảy Bát-nhã Đa-la truyền phó cho đại pháp, bảo ngài rằng: “Sau khi ta diệt sáu mươi năm thì ông sang nước Chấn Đán mà hành hóa”. Khi Tổ Đa-la đã tịch rồi thì ngài diễn giảng trong nước. Ít lâu sau ngài nghĩ rằng nước Chấn Đán duyên đã thuận thực, bèn đến bờ biển quá giang thuyền buôn mà đến Nam Hải vào đời Nhà Lương năm Đại Thông thứ nhất (xưa nói vào năm Phổ Thông thứ tám

là sai. Nam Hải là Quảng châu). Thứ Sử Tiêu Ngang dâng biểu tâu lên vua, vua cho mời ngài vào cung.

Vua hỏi: Trẫm tạo chùa, viết kinh, độ Tăng có công đức gì?

Ngài đáp: Chỉ là quả nhỏ ở cõi nhân thiên.

Vua hỏi: Thế nào là công đức Đại thừa?

Ngài đáp: Tịnh trí sáng mầu thể nó vắng lặng. Công đức như thế thì không thể cầu ở đời.

Vua hỏi: Thế nào là Thánh đế Đệ nhất nghĩa?

Ngài đáp: Rỗng rang không Thánh.

Vua hỏi: Người đang đối diện với Trẫm là ai?

Ngài đáp: Không biết.

Vua không hiểu. Ngài bèn sang sông. Sau vua hỏi Chí Công.

Công đáp: Bệ hạ không biết người này ư?

Vua đáp: Không biết.

Công thưa: Người này là Bồ-tát Quán Âm truyền Phật tâm ấn.

Vua muốn sai sứ mời ngài đến. Nhưng Công tâu: Người nước Hạp đi nơi khác rồi và cũng không trở lại.

Viên Ngộ nói: Chí Công chết rồi, hơn mười năm ngài Đạt-ma mới đến. Sao lại nói là đồng thời? Nay chỉ cần biết đại cương mà thôi). Khi ngài đã vào đất Ngụy thì đến ở chùa Thiếu Lâm tại Tung Sơn, suốt ngày chỉ ngồi xây mặt vào vách (đời Ngụy, vua Hiếu Minh, năm Võ Thái thứ nhất). Vua nghe ngài có dị tích, ba lần ra chiếu mời nhưng ngài không đến. Vua ban tặng ngài Ma-nạp ca-sa, bát vàng và bình nước bạc. Suốt chín năm ngài ngồi xây mặt vào vách.

Khi sắp tịch diệt ngài bảo đệ tử rằng: Ta đã đến lúc rồi! Mỗi người hãy tự nói sở đắc của mình xem?

Đạo Phó thưa rằng: Không chấp văn tự cũng không lìa văn tự, chỉ vì cái dụng của đạo.

Ngài bảo: Người mới được phần da của ta.

Bà-ni Tổng Trì thưa: Việc hiểu của con hiện nay như ngài A-nan thấy nước Phật A-súc, thấy rồi thì không thấy nữa.

Ngài bảo: Người chỉ được phần thịt của ta.

Sư Đạo Dục thưa: Bốn đại vốn không, ấm không có, không một pháp nào có thể có được.

Ngài bảo: Người đã được phần xương của ta.

Sư Tuệ Khả chỉ lạy ba lạy rồi đứng yên.

Ngài bảo: Người đã được phần tủy của ta.

Rồi nhìn Tuệ Khả bảo rằng: Đức Thế Tôn đã đem chánh pháp

Nhãn tặng phó chúc cho ngài Đại Ca-diếp, lần lượt truyền trao đến ta. Nay ta phó chúc lại cho ông, ông nên gìn giữ.

Rồi ngài trao cho y ca-sa để làm tín pháp. Lại nói: Sau hơn hai trăm năm không truyền y nữa vì pháp ở khắp mọi nơi. Hãy nghe kệ của ta:

*Ta vốn đến cõi này  
Truyền pháp cứu mê tình  
Một hoa nở năm cánh  
Kết quả tự nhiên thành.*

Ngài lại nói: Ta có kinh Lăng-già là yếu môn tâm địa của Như Lai có thể dùng chiếu sáng tâm.

Rồi ngài đến chùa Thiên thánh ở Võ môn ngôi yên mà thị tịch, đúng vào ngày năm tháng mười năm Đại Thống thứ nhất. Môn nhân để nguyên nhục thân ngài mà táng tại chùa Định lâm ở núi Hùng nhĩ. Năm sau sứ giả là Tống Vân từ Tây Vực trở về gặp ngài tay xách chiếc dép một mình đi nhanh như bay. Vân trở về thuật chuyện. Môn nhân liền mở mộ phần và quả thấy Kim quan trống không chỉ còn một chiếc dép. Ngài thường dùng hai môn lý hạnh vào đạo Đại thừa mà khuyến dạy người học (Nhị môn thấy ở Truyền Đăng Lục). Đời Đường, vua Đại Tông thụ phong cho ngài là Viên Giác Thiền Sư. Tháp đề Không Quán (Phương Sư trong Biện Tổ Thư nói rằng: Sư Trí Cự soạn Bảo Lâm Truyện nói việc một chiếc dép về Tây Vực, việc chặt tay đứng ngoài tuyết và Ke sấm dự đoán đều khác với Tăng Truyện. Có người cho đó là lời người sau thêm vào.

## **2. NHỊ TỔ TUỆ KHẢ (tên cũ là Tuệ Quang)**

Ngài họ Cơ, người ở Võ Lao, thờ Tổ Đạt-ma sáu năm.

Một hôm ngài hỏi Tổ: Con có thể nghe được Pháp Ấn của chư Phật chăng?

Tổ đáp: Pháp Ấn của chư Phật không phải từ người khác mà được.

Ngài thưa: Tâm con chưa an, xin Tổ an tâm cho con.

Tổ bảo: Hãy đem tâm lại đây ta an cho.

Ngài thưa: Con tìm tâm mãi chẳng thấy.

Tổ bảo: Ta đã an tâm cho ông rồi đấy!

Lúc đầu Tổ Đạt-ma đưa cho ngài bốn quyển kinh Lăng-già bảo rằng:

Nhân giả hãy hành theo đây tất sẽ được độ.

Ngài bảo các đệ tử mình rằng: Sau bốn đời Kinh này sẽ đổi thành danh tướng, không một điều gì phải buồn lo.

Khi đó ngài đã truyền pháp cho Sư Tăng Xán, bèn bảo rằng: Ta có nghiệp nhiều đời cần phải trả.

Ngài bèn đến Nghiệp Quận hành hóa. Đời Tùy năm Khai Hoàng mười hai, ngài ở chùa Chánh cứu tại Quảng thành nói đạo Vô thượng. Có Hòa Pháp sư trước đó giảng kinh Niết-bàn, học trò dần dần bỏ đi không nghe pháp nữa, nên Sư Hòa nổi giận gièm pha ngài với Ấp Lệnh đã làm điều phi pháp, nên ngài vui vẻ nhận lấy cái chết, vào tuổi một trăm lẻ bảy. Tháp ngài ở Huyện Phần Dương tại Từ Châu. Vua Đường Đức Tông truy thụy phong cho ngài là Đại Tổ Thiên Sư.

### 3. TAM TỔ TĂNG XÁN

Lúc đầu ngài còn là cư sĩ đến gặp Nhị Tổ thưa rằng: Đệ tử thân mắc bệnh phong, xin thầy vì con sám hối tội lỗi.

Tổ bảo: Hãy đem tội đến đây ta sám cho.

Ngài thưa: Con tìm tội mãi không thấy.

Tổ nói: Ta đã sám hối cho ông rồi, hãy nên cố gắng nương tựa Phật, Pháp, Tăng.

Ngài thưa: Nay con nhìn thấy thầy chỉ biết là Tăng, chưa biết gì gọi là Phật Pháp.

Tổ đáp: Tâm ấy là Phật, tâm ấy là Pháp. Phật Pháp không hai, Tăng bảo cũng thế.

Ngài thưa: Hôm nay con mới biết tội tánh không ở trong ngoài hay khoảng giữa, tâm kia cũng thế, Phật pháp không hai.

Tổ cho là Đại pháp khí liền xuống tóc và truyền giới Cụ túc cho. Sau đó lại bảo: Đại sư Đạt-ma đã đem Chánh pháp Nhân tạng ngầm truyền cho ta, nay ta phó chúc cho ông và trao cho y ca-sa để làm tin, ông nên giữ gìn.

Thời vua Chu Võ Đế dẹp đạo, ngài phải qua lại ở núi Ty Không hơn mười năm. Đến năm Khai Hoàng đời Tùy, lúc đầu ngài ở núi Hoàn Công truyền pháp cho Sư Đại Tín, thông thả dạo chơi khắp nơi. Năm Đại Nghiệp thứ hai, ngài trở về núi cũ nói pháp cho đại chúng, rồi ngài chấp tay đứng sững mà hóa. Đồ chúng táng ngài ở chùa Sơn Cốc. Vua Đường Huyền Tông truy thụy phong cho ngài là Cảnh Trí Thiên Sư.

### 4. TỬ TỔ ĐẠO TÍN

Ngài họ Tư Mã ở Kỳ Châu. Lúc đầu ngài là Sa-di đến gặp Tam

Tổ Tăng Xán thưa rằng: Xin Hòa thượng cho con pháp môn Giải thoát.

Tổ hỏi: Ai trói buộc ông?

Ngài đáp: Không ai trói buộc.

Tổ nói: Thế cần gì phải giải thoát.

Ngài liền đại ngộ. Tổ bèn truyền cụ giới và trao cho y bát. Trong năm Võ Đức, ngài ở núi Phá Đầu. Năm Chánh Quán vua Thái Tông ba lần chiếu triệu vào kinh nhưng ngài đều lấy cớ bệnh mà từ chối. Vua sai sứ đến nói rằng: “Nếu không chịu đi thì liền lấy đầu.” Sứ trình chỉ dụ của vua, ngài bèn đưa cổ xin chịu chém. Sứ giả trở về tâu, vua càng kính trọng bèn ban cho lụa quý để tạ tội mình. Sau khi đã truyền pháp cho Sư Hoàng Nhẫn thì ngài ngồi yên mà hóa, vào tháng chín năm Vĩnh Huy thứ hai. Tháp ngài ở núi phía Đông chùa Huỳnh mai. Vua Đường Đại Tông truy thụy phong cho ngài là Đại Y Thiên Sư.

### 5. NGŨ TỔ HOÀNG NHÃN

Ngài ở Huỳnh Mai Kỳ Châu, mẹ họ Chu (việc tài Tòng Đạo Giả, thác thai vào cô gái họ Chu đã được chép đủ trong Thông Tắc Chí). Sư là cậu bé giữa đường gặp Tứ Tổ.

Tổ hỏi: Người họ gì?

Đáp: Họ thì có mà không phải họ thường.

Tổ hỏi: Là họ gì?

Đáp: Là họ Phật.

Tổ hỏi: Người không họ à?

Đáp: Tánh nó không nên không có.

Tổ im lặng ngâm biết. Tổ bèn đến gặp bà mẹ bảo cho đi xuất gia. Khi đã truyền phó pháp thì ngài nối ở Đông Sơn. Trong năm Hàm Đình, ngài truyền Y Pháp lại cho Sư Tuệ Năng, bốn năm sau ngài thị tịch, tháp ở Đông Sơn. Vua Đường Đại Tông truy thụy phong cho ngài là Đại Mãn Thiên Sư.

### 6. LỤC TỔ HUỆ NĂNG

Ngài họ Lô ở Tân Châu, hái củi nuôi mẹ. Ngài thường vào chợ nghe khách tụng kinh Kim Cang, liền hỏi: Học kinh này với ai?

Khách đáp: Với Huỳnh Mai Nhẫn Đại sư, Sư nói đọc kinh này có thể thấy tánh thành Phật.

Ngài bèn từ giã mẹ đến Thiệu Châu, cùng làm bạn với Lưu Chí Lực. Cô của Chí Lực là Ni, thường tụng kinh Niết-bàn. Ngài nghe qua liền giảng nói. Nhân đó ni cô hỏi chữ. Ngài nói: Không biết chữ nhưng

nghĩa thì mặc tình hỏi.

Cô Ni nói: Chữ còn không biết làm sao hiểu nghĩa?

Ngài bảo: Việc giải thoát của chư Phật đâu có liên quan gì đến văn tự.

Ni cô lấy làm lạ gọi ngài là Hành Giả. Dân trong xóm đến chiêm lễ thỉnh ngài đến ở chùa Bảo lâm. Trong năm Hàm Đĩnh, ngài đến Huỳnh Mai.

Tổ hỏi: Từ đâu đến?

Ngài đáp: Từ Lĩnh Nam đến.

Tổ hỏi: Đến cầu việc chi?

Ngài đáp: Chỉ cầu làm Phật.

Tổ nói: Người Lĩnh Nam không có Phật tánh.

Ngài thưa: Người thì có Bắc Nam, Phật tánh đâu thể thế.

Tổ lấy làm lạ, bảo xuống giã gạo đi. Ngài bèn xuống phường cối mang đá giã gạo. Được tám tháng, Ngũ Tổ bảo chúng mỗi người làm một bài kệ, nếu nói phù hợp với mật ý thì sẽ truyền pháp giao y bát. Lúc đó chúng có đến bảy trăm. Thượng Tọa Thần Tú viết kệ lên vách rằng:

*Thân là gốc Bồ-đề  
Tâm như Đài gương sáng  
Nên luôn luôn lau chùi  
Chớ để dính trần ai.*

Ngài nói: Hay thì thật hay nhưng chưa tốt ráo.

Đêm đến ngài mượn chú tiểu viết kệ lên vách dùm. Kệ rằng:

*Bồ-đề vốn không gốc  
Gương sáng cũng không đài  
Xưa nay không một vật  
Đâu cần quét trần ai?*

Ngũ Tổ biết chính là ngài. Đêm đến cho người mời ngài đến bảo rằng: “Đức Phật đem chánh pháp Nhân tạng truyền trao, nay ta truyền lại cho ông và giao y để làm tin. Xưa ngài Đạt-ma mới đến nên phải truyền y để làm sáng tỏ việc được pháp. Nay tín tâm đã chín muồi, y chỉ là đầu mối tranh giành. Đến ông thì nên ngưng lại không truyền nữa”. Ngài đánh lễ dưới chân Tổ lãnh y mà lui. Suốt đêm đi nhanh về Nam. Lúc đó Thượng Tọa Đạo Minh nghe biết liền dẫn người đuổi theo. Tại Dữu Lãm thì Đạo Minh đến trước.

Ngài để y trên đá bảo rằng: Y này chỉ để làm tin đâu nên dùng sức giành lấy.

Minh nâng y lên nhưng không nhúc nhích, bèn bảo rằng: Con đến đây vì câu pháp chớ đâu phải vì y.

Ngài nói: Không nghĩ thiện không nghĩ ác, vậy ngay lúc đó cái gì là bản lai diện mục của Thượng Tọa Minh?

Ngay lúc đó Đạo Minh đại ngộ, liền đánh lễ thưa rằng: Từ trước nay ngoài mật ngữ mật ý lại còn có ý chỉ nào chăng?

Ngài đáp: Ta nay nói ra thì không còn là mật nữa, nếu phản chiếu lại mình thì mật ở về phía ông.

Minh đánh lễ từ tạ ra về. Năm Nghi Phụng thứ nhất, ngài đến Nam Hải, gặp Ấn Tông Pháp sư ở chùa Pháp tánh. Chiều đến gió thổi phướn bay, có hai vị Tăng luận đạo. Một vị bảo phướn động, vị kia bảo gió động. Ngài nói: Không phải gió hay phướn động mà do tâm mình động.

Ấn Tông lấy làm lạ, xin học thiền yếu với ngài. Nhân đó ngài đưa y ca-sa làm tin ra để chúng chiêm ngưỡng. Ấn Tông bèn cạo tóc cho ngài, thỉnh Luật Sư Trí Quang ở bản tự lên Đàn truyền giới Cụ túc cho ngài. Giới đàn này do ngài Cầu-na-bạt-ma đời Tống tạo ra, từng thọ ký trước rằng: Sau sẽ có nhục thân Bồ-tát đến đây thọ giới.

Ngài Chân Đế đời Lương đích thân trồng bên Giới Đàn hai cây Bồ-đề và ghi rằng: “Một trăm hai mươi năm sau sẽ có Bồ-tát ngồi dưới cội cây này nói đạo Vô thượng.” Ngài đến ngồi dưới cội cây rộng giảng đạo Pháp tại Đông Sơn, đúng y như lời ký trước. Năm sau ngài trở về chùa Bảo lâm ở Thiều Châu (tức Tào Khê). Năm Thần Long thứ nhất, vua ra chiếu mời ngài vào triều kiến, ngài dâng biểu từ chối vì bệnh. Năm Tiên Thiên thứ hai, ngài lại trở về chùa Quốc Ân ở Tân Châu, rồi ngài thị tịch. Đệ tử rước linh thể ngài đem về táng ở Tào Khê. Ngài hoằng hóa ở Thiều Dương, Thần Tú thì ở Lạc Hạ. Phía Nam có Tuệ Năng, phía Bắc có Thần Tú, từ đấy chia đôi. Năm Thượng Nguyên thứ nhất, vua Túc Tông sai sứ thỉnh y bát của ngài vào triều nội cúng dường. Năm Vĩnh Thái thứ nhất, vua Đại Tông nằm mộng thấy ngài xin đem y bát về núi, bèn sai Lưu Sùng Cảnh đầu đội y bát đem về. Vua Hiến Tông thụ phong cho ngài là Đại Giám Thiên Sư.

**Lời bàn:** Sau Lục Tổ chia làm hai phái: Một phái là Thanh Nguyên Hành tư. Tư truyền cho Thạch Đầu Hy Thiên. Các môn hạ chia thành các Tông Tào Động, Vân Môn, Pháp Nhãn. Một phái là Nam nhạc Hoài Phương. Nhượng truyền cho Mã Tổ. Các môn hạ chia thành các Tông Lâm Tế, Quy Ngưỡng. Đó là ngũ gia Tông phái, nhưng Đạo chỉ là một mà thôi. Mà nói có năm Tông là chỉ do người đời nhiều bệnh, nên cách

trị phải biến thành nhiều thứ. Một đánh, một hét, một xướng, một hòa, Cơ dụng tự tại. Lúc mới bắt đầu không có một luật nhất định, cũng như nghĩa theo bệnh mà cho thuốc. Ở Phần Dương có bài ca Quảng Trí để nói rõ về Tông Phong của năm nhà. Bởi muốn bày cho người đời sau cái ý là phải tham học khắp các Tông phái, đâu thể không biết ư?

### HIỀN THỦ TÔNG GIÁO (phụ thêm Lý Trưởng giả)

- Sơ Tổ: Chung Nam Pháp Thuận Pháp sư.
- Nhị Tổ: Vân Hoa Trí Nghiễm Pháp sư.
- Tam Tổ: Hiền Thủ Pháp Tạng Pháp sư.
- Tứ Tổ: Thanh Lương Trừng Quán Pháp sư.
- Ngũ Tổ: Khuê Phong Mật Tông Pháp sư.
- Trưởng Thủy Tử Tuấn Pháp sư.
- Tuệ Nhân Tịnh Nguyên Pháp sư.
- Năng Nhân Nghĩa Hòa Pháp sư.

Ngài Khải Am bình luận rằng: Pháp Giới quán riêng làm một duyên nghĩa là năm giáo không có sự sai khác về đoạn phục. Song hoặc giáo hay Quán chỉ là phô trương hư văn ứng hợp với Đạo không tu chứng. Đến như ngài Thanh Lương lập ra Đốn đốn, rêu rao là hơn cả Pháp Hoa. Sư Thường Quán phân biệt Hoa Nghiễm là Đốn Đốn. Theo Thiên thai mà phán định Kiêm Biệt thì mất ý Như Lai. Lại bảo Hoa Nghiễm là Bồ-tát thỉnh, vượt hơn Pháp Hoa.

Ngài Khuê Phong giải thích tu môn chưa tránh khỏi luận sai về Chỉ Quán (Sư Tông Mật chú giải về chữ Pháp Giới Quán nói rằng: Chỉ Quán do huân tập mà đạt đến. Khải Am chất vấn rằng: Không biết là Chỉ Quán nào? Nếu là thứ lớp thì đến vị nào sẽ đoạn hoặc nào mà hiển lý nào? Nếu là Nhất Tâm thì ở vị nào Viên dung mà tu, ở vị nào Viên dung mà chứng?). Còn các trước thuật khác thì mâu thuẫn rất nhiều (Ngài Hiền Thủ đã tự lập năm Giáo cho đến Khởi Tín luận nói rõ về Quán pháp, thì nói rằng: Tu theo thứ lớp như Ma-ha Chỉ Quán của Thiên Thai Thanh Lương đã có Tông Hiền Thủ mà khi Sơ Hoa Nghiễm thì dẫn dụng văn Thiên thai về các thứ tánh Thiệt, tánh Ác, Tam quán, Tam đức, Nhất niệm, Tam thiên... Song như thế thì Giáo hay Quán tới lui đều lỗi cả hai). Muốn phân biệt nguồn gốc nên soạn ra phần Hiền Thủ Tông Giáo Chí sau đây (Hiền Thủ Hoa Nghiễm Sơ, Khởi Tín Luận Sao, Khuê Phong Viên Giác Sơ, Trưởng Thủy Lăng Già Sơ... chỗ lập các nghĩa luôn cũng biết mỗi thứ đều không giống nhau).



## 1. SƠ TỔ PHÁP THUẬN PHÁP SƯ

Ngài họ Đỗ, người ở Vạn Niên, mười tám tuổi xuất gia. Ngài theo học với Thánh Tăng Đạo Trân về thiền định. Ở đời hễ có những người cầm kẻ điếc nào gặp ngài thì đều nói được nghe được, cho đến việc đuổi xô các con vật độc hại, thuần hóa ngựa dữ thì đức của ngài truyền đến với các loài khác không thể lường hết được. Vua Đường Thái Tông chiếu triệu ngài vào cung hỏi rằng: “Trẫm rất nóng nảy mệt nhọc, ngài có thần lực nào để dẹp trừ?” Ngài đáp: “Thánh Thượng đang ở trong nhà có chút bệnh lo gì, chỉ ban lệnh đại xá thì mình rỗng sẽ yên lành.” Vua làm theo và từ đó lành bệnh, bèn ban cho hiệu là Đệ Tâm. Mỗi khi đi du lịch các quận trong nước ngài luôn khuyên niệm Phật A-di-đà. Ngài soạn Ngũ Hối Văn để khen ngợi Tịnh độ. Giữa đường khi gặp thần cây hay miếu quỷ thì ngài đốt bỏ. Ngày Rằm tháng mười một năm Chánh Quán mười bốn, ngài ngồi tịch ở chùa Nghĩa Thiện tại Nam Giao, có đôi quạ bay vào phòng và mùi hương lạ lưu trong thất. Tháp thờ nhục thân ngài ở Bắc Nguyên Phần Xuyên. Có đệ tử đến yết kiến ngài Ngũ Đài. Khi vừa đến chân núi thì gặp một cụ già bảo rằng: “Đức Văn-thù nay đang đến núi Chung nam, Hòa thượng Đỗ Thuận chính là ngài đấy.” Người đệ tử vội chạy về thì ngài đã tịch rồi. Đến nay ở Quang Trung lấy ngày này làm ngày giỗ Đức Văn-thù. Ngài có soạn Pháp Giới Quán Môn, một quyển, Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán, một quyển. Ngài chuyên hoằng hóa Kinh Hoa Nghiêm rồi truyền cho Vân Hoa Trí Nghiễm. Trí Nghiễm trao cho Hiền Thủ Pháp Tạng. Giáo điển này được lưu hành (trong đây đáng lẽ phải có truyện của Trí Nghiễm Pháp sư nhưng nguyên văn Bản Kỹ đã mất).

## 2. PHÁP SƯ PHÁP TẠNG

Tổ tiên là người nước Khang Cư (ở phía Bắc Thiết Môn của Thông Lĩnh) đến ở Trường An. Pháp Tạng mới mười sáu tuổi đã đến ở Tháp xá-lợi A-dục tại Tứ Minh đốt một ngón tay thể học Hoa Nghiêm. Vào thời Tắc Thiên trị vì, Sư còn là một Sa-di đã được mời đến Cung cấm. Đến năm Thông Thiên một thì Sư được chiếu mời về ở chùa Thái Nguyên khai giảng Tông Chỉ Hoa Nghiêm, cảm được luồng ánh sáng trắng từ miệng phóng ra phút chốc thành cái lộng to muôn người đều khen ngợi. Đô Giảng tâu việc này lên triều đình, Tắc Thiên ra chỉ lập mười vị Đại Đức ở Kinh Thành để truyền Cú túc giới và ban hiệu là Hiền Thủ Giới Sư, lại ra chiếu mời Sư đến ở chùa Đại Biển Không, giúp ngài Thật-xoa-nan-đà dịch kinh Hoa Nghiêm. Năm Thánh Lịch

thứ hai, tháng mười, Tắc Thiên mời Sư giảng kinh ở giảng đường chùa Phật Thọ Ký, đất Kinh Sư đều chấn động mạnh. Ngay ngày ấy vua mời Sư đến điện Trường Sinh. Sư bèn chỉ Sư Tử vàng ở góc điện bảo rằng: Đại Kinh này lý nghĩa sâu kín, sự văn rộng rãi, nếu không phải người đã nhập Thánh lý thì không thể đạt đến chỗ áo diệu của nó. Cho nên lập dụ Kiến biên, hiểu Pháp không bờ bến, để sánh với Pháp giới thể. Trong đó lập ra năm Giáo:

1. Ngu Pháp Thanh văn Giáo.
2. Đại thừa Thủy Giáo.
3. Đại thừa Chung Giáo.
4. Đại thừa Đốn giáo.
5. Nhất thừa Viên giáo.

Võ Tắc Thiên hoá nhiên tỏ ngộ, bèn chép lời Sư giảng thành Kim Sư Tử Chương. Vua Duệ Tông xin học Nội Thiên, thỉnh Sư truyền cho Bồ-tát Đại Giới. Sư đắp y phần tảo ăn gạo lứt, giảng kinh Hoa Nghiêm hơn ba mươi lượt, các Kinh Lăng Già Mật Nghiêm, Phạm Võng, luận Khởi Tín ... mười bộ đều làm nghĩa sớ. Đến tháng mười một năm Thiên Thiên thứ nhất, Sư thị tịch tại chùa Đại Tiến Phước, được phong tặng chức Hồng Lô Khanh và được an táng tại Hòa Nguyên. Khi Sư tịch rồi thì đệ tử là Tuệ Uyển phản lại các điều Sư nói. Cả trăm năm sau khi Sư mất mới có Trừng Quán tiếp nối pháp của Sư.

Ngài Khải Am nói: Ngu Pháp Tiểu thừa không chuyển đổi Tiểu thành Đại, lại không Biệt viên bị tiếp và Pháp Hoa khai hiển thì ngu suốt đời. Bốn Giáo Thủy Chung Viên Đốn đều không có ranh giới đoạn phục tu chứng. Đến khi nói về Quán pháp của Khởi Tín luận thì nói tu theo thứ lớp như Chỉ quán Ma-ha Diễn của Thiên Thai há không phải là có Giáo mà không có Quán ư?

### 3. PHÁP SƯ TRỪNG QUÁN

Sư là người ở Cối kê, họ Hạ Hầu. Xuất gia ở chùa Ứng Thiên, tụng kinh Pháp Hoa, mười bốn tuổi được độ. Trong năm Càn Nguyên, Sư học Luật với Thê Hà Lễ Sư, học Nam Sơn Hành Sự, với ngài Đàm Nhất, thọ giới Bồ-tát với ngài Thường Chiếu, truyền Quan Hà Tam Luận cho Huyền Bích, Tam Luận ở miền Giang Biểu được thành hành từ đó. Đầu năm Đại Lịch, Sư ở Ngõa quan giảng Niết-bàn, Khởi Tín Luận và Pháp Giới Quán của Chung Nam, Hoàn Nguyên Ký của Pháp Tạng. Sư lại đến Đông Kinh học Tạng Hoa với ngài Đại Tiên. Suốt mười năm theo ngài Kinh Khê học các Sớ Chỉ Quán, Pháp Hoa, Duy-ma... , yết kiến ngài

Trung ở Ngưu Đầu, ngài Khâm ở Kính Sơn, ngài Vô Danh ở Lạc Dương học hiểu về Thiên Pháp của Nam Tông. Yết kiến ngài Tuệ Vân để tìm hiểu huyền lý Bắc Tông, Nho Mặc ở Trung Quốc, Phạm Thư ở Ấn Độ, các bộ Dịch Chấp, bốn bộ Vệ-đà, Ngũ Minh, Nghi Quỹ Hiển Mật... không thứ nào là không thông suốt. Suốt mười một năm Sư luôn khẩn lễ Ngũ Đài, Nga My ở đâu cũng đều thấy rõ các điềm lành. Rồi Sư lại trở về ở chùa Đại Hoa Nghiêm tại Kinh Sư chuyên hành sám Phương Đẳng, nhưng vẫn giảng Đại Kinh Hoa Nghiêm, viết ra Tân Sở được hai mươi quyển. Vào lễ mừng sinh nhật, vua Đức Tông mời Sư vào giảng kinh ở Nội điện, Sư dùng Diệu Pháp làm mát mẻ tâm vua nên vua ban hiệu cho Sư là Thanh Lương Pháp sư, y ca-sa tía và lễ Sư là Giáo Thọ Hòa thượng. Việc sai Lễ Bộ Thượng Thư là Lý Tiên sắm sửa đủ lễ đón mời sư để cùng Tam tạng Bát-nhã nước Kế tân dịch kinh Hoa Nghiêm do nước Ô Trà dâng tặng. Vua đích thân tham dự trường dịch, một hôm bận không đến liền sai Tăng đứng Pháp Tỳ-kheo mà thuyết dục rằng: Hoàng đế nhân có quốc sự đứng Pháp Tăng xin được thanh tịnh. Năm Nguyên Hòa thứ năm, vua Hiến Tông hỏi về Tông Chỉ Pháp Giới của Hoa Nghiêm, vua hoát nhiên có sở đắc, nên vua sai Hữu Ty đúc Ấn vàng ban thêm hiệu cho Sư là Đại Thống Thanh Lương Quốc Sư. Đến ngày sáu tháng ba năm Khai Thành thứ ba thì Sư thị tịch, thọ một trăm lẻ hai tuổi, hạ lạp tám mươi ba, táng tại Thạch Thất ở Chung Nam, Tháp đề Diệu Giác. Sư thân cao chín thước bốn tấc, tay dài quá gối. Đêm mắt phát ánh sáng, ngày vẫn không nháy, có tài viết hai tay cùng lúc, ngày viết muôn lời. Cho đến cuối đời Sư vẫn dùng một bữa, đêm không bỏ y trải suốt chín triều đại, làm thầy bảy vua. Từ Kinh Khê đến Giang Hoài cả bốn mươi Tăng, lễ bái thân cận Ngũ Đài, lãnh đạo cả muôn đồ chúng, khi Sư ra ngoài thành thì được đón hầu từ xa để tỏ rõ sự kính lễ Tôn Sư. Sư cách ngài Hiền Thủ hơn trăm năm, xa nối ý chỉ mà viết ra Sở Ký hơn bốn trăm quyển. Sư giảng kinh Hoa Nghiêm đến năm mươi lượt, thiết lập Đại Trai Vô Già được mười lăm hội, hóa độ đệ tử đến ba mươi người. Tể Tướng Bùi Hưu vâng Thánh chỉ soạn lời bia.

#### 4. PHÁP SƯ TÔNG MẬT

Sư họ Hà, người ở Quả Châu. Lúc đầu đắc pháp với ngài Đạo Viên, là cháu năm đời của Hà Trạch, truyền Viên Giác nơi Phù Thượng, được Hoa Nghiêm Cú Nghĩa ở Bệnh Tăng, liền đem diễn giảng cho người. Ngài Thanh Lương bảo rằng: Người mà theo ta dạo chơi, Tỳ lô Hoa tạng phải chăng là nhà người? Ngài Thanh Lương lại có lần đáp thư

cho Sư rằng: Chỗ hiểu của ông cũng là tâm ta, thực gọi là Chuyển Luân Chân Tử. Sư viết lời sớ sao các Kinh Viên Giác, Hoa Nghiêm, Niết-bàn, Kim Cang, Khởi Tín Luận, Duy Thức, Lan Bồn, Pháp Giới Quán, Hạnh Nguyện Phẩm... và Tu Chứng Khoa Nghi gồm cả thấy hơn chín mươi quyển. Năm Thái Hòa thứ chín, vua Văn Tông ra chiếu hỏi Sư về đại ý Phật pháp rồi ban hiệu cho Sư là Đại Đức Tử Y. Ngày sáu tháng Giêng năm Hội Xương thứ nhất, Sư ngồi mà tịch tại Tháp Viện Hưng Phước. Vua thụy phong là Định Tuệ, Tháp đề là Thanh Liên.

Ngài Nghĩa Thần Trí nói rằng: Các Sư Tông Hoa Nghiêm không biết Nhân lý của chúng sinh vốn đầy đủ các pháp nên chỉ nói các pháp tương tức trên Quả mà thôi. Nếu không nói tính đầy đủ thì làm sao tương tức nhau được. Cho nên biết trên quả thì Y Chánh dung thông đều do nơi Lý Bản chúng sinh vậy. Song Pháp Môn của một nhà nói ra thì có: Một là Tánh thể nó tương đương với Chánh nhân ở đây, hai là Tánh lượng nó tương đương với Liễu nhân ở đây, ba là Tánh cụ nó tương đương với Duyên nhân ở đây. Mà Cụ tức là Giả, Giả tức Không - Trung. Chỉ một Pháp tánh thì có đủ ba nghĩa này, gom lại thì càng phân chia ra thì thường hợp, tuy biến khắp mọi nơi nhưng cũng không trụ ở đâu cả. Nên biết các Tông khác nói về Pháp tánh thì cũng đồng với Tánh thể, Tánh lượng của các nhà ngày nay, vì họ đều nói là Tánh Pháp, Chân Như cùng Hư Không... chỉ thiếu nghĩa thứ ba là Tánh cụ.

### 5. PHÁP SƯ TỬ TUẤN

Sư người Gia hòa, lúc đầu nương Sư Hồng Mẫn học Hoa Nghiêm đến chỗ hai tướng Động Tĩnh rất ráo không sinh thì Sư có tỉnh ngộ. Nghe ngài Lang Tà Tuệ Giác đạo cao đương thời liền đi đến cửa, gặp ngài đang thương đường cung kính hỏi rằng: “Thanh Tịnh vốn vậy vì sao bỗng sinh sông núi đất bằng?” Ngài Tuệ Giác bỗng hét rằng: “Thanh Tịnh vốn vậy vì sao bỗng sinh sông núi đất bằng?” Thì Sư phủ phục toát mồ hôi khoát nhiên đại ngộ. Ngài Tuệ Giác bảo: “Tông của người không hưng thịnh lâu phải quyết chí giữ gìn để báo đền ân Phật.” Sư vâng lời từ tạ ra đi. Sau Sư đến ở Trường Thủy, học chúng khoảng ngàn người. Sư dùng Tông Chỉ ngài Hiền Thủ mà soạn bộ Lăng-nghiêm Kinh Sớ mười quyển lưu hành ở đời.

### 6. PHÁP SƯ TỊNH NGUYÊN

Sư họ Dương, ở Tấn Giang học Hoa Nghiêm với ngài Thừa Thiên ở Ngũ Đài (Ngài Thừa Thiên chú giải Kim Sư Tử Chương), học Hiệp

Luận với ngài Minh Đàm ở Huỳnh Mai. Sư lại trở về Nam nghe kinh Lăng-nghiêm, Viên Giác, Khởi Tín Luận với Trường Thủy. Có kẻ học giỏi bốn phương lúc bấy giờ Tôn Sư là Nghĩa Long, nhân Sư đến thăm tuổi nên thỉnh Sư làm chủ Thanh Lương. Sư lại đến đất Ngô ở chùa Báo ân Quan Âm. Quan Thú đất Hàng là Thẩm Văn Thông đặt Viện Hiền Thủ ở Tường Phù để đón Sư. Sư lại làm chủ Mật Ấn ở Thanh Trấn, Hoa Đình ở Bảo Các, Thiện Trụ ở Phổ Chiếu. Tăng Thống Nghĩa Thiên nước Cao Ly ngồi thuyền buồm đến hỏi đạo, xưng là đệ tử. Từ xưa số sao của một Tông Hoa Nghiêm lâu ngày nên thất lạc mất mát. Nhân Nghĩa Thiên đem đến học hỏi mà Kinh giáo bị bỏ quên nay lại được phục hồi. Quan Tả Thừa Bồ Tông Mạnh cai trị đất Hàng thương Sư khổ chí đã tâu lên triều đình lấy chùa Tuệ Nhân đổi Thiên làm Giáo. Ngài Nghĩa Thiên trở về nước đem bộ kinh Hoa Nghiêm viết chữ vàng với ba bản dịch gồm một trăm tám mươi quyển. Đời Tấn hai Pháp sư Nghiêm và Quán đồng dịch sáu mươi quyển. Đời Đường, ngài Thật-xoa-nan-đề dịch tám mươi quyển. Đời Đường, theo bản do nước Ô Trà hiến dâng thì ngài Trừng Quán dịch bốn mươi quyển = một trăm tám mươi quyển) đến tặng Sư. Để cầu thọ cho Chúa Thượng, Sư lập ra gác lớn để thờ ba bộ kinh ấy. Thời bấy giờ người ta kính Sư là Trung Hưng Giáo Chủ (vì lấy chùa này thờ Kinh Hoa Nghiêm chữ vàng, tục gọi là chùa Cao Ly). Tháng mười một năm Nguyên Hựu thứ ba Sư thị tịch, Tháp xá-lợi của Sư ở phía Tây bắc của chùa.

## 7. PHÁP SƯ NGHĨA HÒA

Vua ban hiệu là Viên Trừng, trong năm Càn Đạo Sư ở chùa Tuệ Nhân, sau dời về Năng Nhân ở Bình Giang, xem bản Tịnh Độ Truyện Lục. Vì trong bộ Hoa Nghiêm không có phần hiển bày Pháp Môn Niệm Phật, Sư bèn soạn bộ Vô Tận Đăng lấy Tông chỉ của kinh Hoa Nghiêm này để riêng khen ngợi Tây phương làm pháp môn niệm Phật vắng sinh (Văn thấy trong Lạc Ban Văn Loại).

## 8. TRƯỞNG GIẢ LÝ THÔNG HUYỀN

Đời Đường năm Khai Nguyên thứ bảy, ông dùng bản dịch mới Kinh Hoa Nghiêm để viết Thích Luận bốn mươi quyển. Trong lập luận ông lấy mười xứ mười hội nói rộng về Pháp giới so với phần số chỉ của ngài Pháp Tạng không giống nhau. Lại dùng Giáo chủ, Thỉnh chủ... mười đối khác hơn kinh Pháp Hoa mà không biết Pháp Hoa là nói về khai Quyền hiển Thật, không biết Hoa Nghiêm là sách Kiêm Biệt mà

nói Viên. Nên phần lớn ông bài xích Tông Thiên thai ta (tóm tắt sự tích Trưởng giả trong Thông Tắc Chí sáu quyển).

## TÔNG GIÁO TỪ ÂN

- Sơ Tổ Pháp sư Giới Hiền ở Tây Thiên.
- Nhị Tổ: Tam tạng Pháp sư Huyền Trang.
- Tam Tổ: Pháp sư Khuy Cơ ở chùa Từ Ân.

Ngài Giới Hiền với giáo điển ba thời đã lập Nghĩa Sở rất rộng há đủ để tóm thâu Kinh điển một đời của Phật, ngài Từ Ân làm ra Huyền Tán, quán Tâm thiếu sót đâu đủ để thông cả Kinh điển Nhất thật. Kê rộng lượng bảo rằng đây chỉ riêng cho một Cơ. Đang lúc Thiên thai hưng thịnh thì ba nhóm Nam, bảy nhóm Bắc đều mất dấu. Đâu thể cho rằng sau nhóm Từ Ân quật khởi ở nơi bốn bể lặng trong mà không thể không luận bàn, nên phải soạn phần Tông Giáo Từ Ân này vậy.

## PHÁP SƯ HUYỀN TRANG

Ngài họ Trần, người ở Lạc Dương. Năm mười một tuổi thuộc lòng Duy-ma và Pháp Hoa. Lúc đó ngài Đạo Cơ Pháp sư đang hành hóa tại Trường An, Sư mang tráp Tây du theo học A-tỳ-đàm Bà- sa Tạng Tâm Luận... Ngài Đạo Cơ khen rằng: Ta đi diễn giảng ở nhiều nơi nhưng chưa thấy có một thiếu niên nào thông minh thần ngộ như thế. Năm Võ Đức, Sư ở Kinh Sư giảng Tạng Tâm Luận, vì không nệ câu văn nên được đời rất khâm phục. Quan Bộc Xạ Tiêu Võ tâu lên vua xin mời Sư ở chùa Đại Trang Nghiêm. Năm Chánh Quán thứ hai, ngài dâng biểu xin vua được du học Thiên Trúc. Được vua chuẩn nhận, ngài roi gậy lên đường Tây chinh vượt qua Thông Lĩnh xa xôi, gió độc cắt da, cát bay lấp dấu, khe sâu hun hút phải bắc cầu dây, leo tuốt thang mây, bò lên núi tuyết, vách đá sừng sững mấy ngàn nhận, mỗi người cầm bốn cái thang dây tay chân thay nhau bám vào lỗ vách đá trèo lên, bắt chước loài khỉ mà du chuyển mới qua được Trương Khiên Cam Diên Thọ chưa khi nào đến được. Qua sa mạc gặp quỷ dữ biến hóa nhiều loài lạ lùng thoát hiện thoát mất khắp nơi, Sư nhất tâm niệm Quan Âm và Bát-nhã Tâm Kinh thì chúng bỗng nhiên biến mất. Băng tuyết ở chỏm núi từ Xuân sang Hè vẫn chưa tan, học trò bè bạn Sư cùng đi mười người chết rét hết bốn. Vào ngọn Thiết Môn vách đá đều sừng sững đóng kín, đó là quan ải nước Đột Khuyết. Sư thăm khắp một trăm ba mươi nước đều là đất Như Lai đã giáo hóa. Nào rừng kiên cố Nê hoàn, cây Bồ-đề hàng ma, tháp

vọi cao Ca Lộ, núi Lưu ảnh Na- yết... Sư đều đến kính lễ. Sư thân nhất được tượng báu, xá-lợi và kinh lá bối bảy mươi lăm bộ, giáo Phương Đăng núi Kỳ, văn nửa chữ ở Lộc Uyển. Các trước thuật của Mã Minh Long Thọ, mười tám Tông dị chấp, chỗ đến từ các nẻo khác nhau của Năm bộ, nghiên cứu thu nhất đủ các văn bản, tuy âm từ lắm biến cách, câu văn phải nhiều chú thích nhưng không thứ nào không đạt đến chỗ vi diệu. Rồi Quốc vương Kỳ La tặng Sư voi và ngựa trắng để giúp chở kinh luận về. Tháng giêng năm Trinh Quán mười chín, Sư về đến Trường An. Quan Lưu Thư là Phòng Nguyên Linh sắm sửa đủ tràng phan bảo cái trống kèn, oai nghi nghiêm trang mấy ngàn đạo tục đem lọng báu đến rón rước Sư. Tháng hai, Sư về đến Lạc Dương vào yết kiến vua tại Nghi Loan điện (lúc đó vua vi hành ở Lạc Kinh), vua an ủi ủy lạo Sư lại hỏi thăm về các việc ở Tây Vực, ra chiếu mời Sư viết Tây Vực Ký, kể các thứ núi sông, phong tục mà sử sách trước nay chưa ghi chép. Vua mời Sư đến ở chùa Hoàng phước cùng các Sa-môn Đạo Tuyên, Linh Vông... đồng phiên dịch. Năm Trinh Quán hai mươi, Sư dâng lên vua bản tân dịch về Bồ-tát Tạng Kinh, Hiển Dương Thánh Giáo Luận, Sư thỉnh vua viết tựa Thánh Giáo. Năm thứ hai mươi hai, dâng lên vua Du Già Sư Địa Luận. Vua đọc khen rằng Phật giáo thật rộng lớn cũng như nhìn trời ngấm biển không gì cao sâu bằng, còn sách vở của Cửu lưu khác nào bãi đầm nhỏ hẹp. Đồi nói Tam Giáo chỗ chí cốt ngang nhau thì đây là lời lừa dối. Vua ra chiếu phải viết mới các kinh luận đã dịch, ban tặng Sư làm Tổng Quản chín Đạo (lúc đó nước tâu phân ra làm chín Đạo) lưu hành khắp nơi. Vua ra chiếu lập điện Tử Vi ở Kinh Sư, riêng lập Viện Hoàng Pháp mời Sư đến ở. Sư chọn bảy vị Danh đức theo mình, ngoài việc luận đạo với vua Sư còn tùy lúc cùng chúng phiên dịch. Vua bảo dịch Lão Tử ra Phạm văn để đem tặng Thiên Trúc. Sư thưa Giáo lý của Phật và Lão rất khác biệt nhau đâu thể dùng lời Phật để hiểu nghĩa Lão. Vả lại Lão Tử lập nghĩa cạm cợt ngoài da Ngũ Thiên Trúc mới nghe đủ thấy là mỏng, bèn thôi. Năm Vĩnh Huy thứ ba, Sư dâng biểu xin lập Tháp ở chùa Từ ân để thờ Tạng Bộ tiếng Phạm và các tựa Thánh Giáo của hai triều vua viết ra. Vua chấp thuận và trích bớt tiền cơm áo của những kẻ đã chết trong bảy cung để giúp thêm chi phí. Năm Hiển Khánh thứ nhất, khi sinh Hoàng Tử (Trung Tôn) thì ánh sáng lạ đầy nhà, vua ban hiệu cho hoàng tử là Phật Quang Vương, được hơn tháng thì dâng biểu thỉnh Phật Quang Vương xuất gia, vua ra chiếu xuống tóc và truyền quy giới cho Vương, lại dâng cho Vương Tâm Kinh Chữ Vàng và y bát đầy đủ. Năm Hiển Khánh hai, vua đi Lạc Dương ra

chiếu mời Sư cùng đi, tiện đường Trần Lưu, Sư cải táng song thân, vua ra lệnh cung cấp cho Sư đủ đồ tống táng. Năm Hiển Khánh thứ tư dùng Cung Ngọc Hoa làm chùa để thờ kính các Tiên Đế, vua mời Sư đến ở. Sư dịch kinh Đại Bát-nhã đến năm Hiển Khánh thứ tư thì được sáu trăm quyển. Năm Tân Đức thứ nhất ngày bốn tháng hai Sư cáo biệt chúng rằng: “Thân này là chất bọt nước huyễn hoặc, đâu thể dừng lâu”, bèn khuyến chúng niệm danh hiệu Di-lặc, nguyện cùng hàm thức mau hầu Từ Nhan. Rồi Sư nằm nghiêng hông phải xếp chân, dùng tay gối đầu im lặng bất động. Vua gào khóc thảm thiết, bãi triều năm ngày, đến ngày thứ năm ra chiếu khóc thương khen công đức Sư. Và theo phép Phật xưa đã dùng quan vàng quách bạc táng Sư ở Sảnh Đông. Lúc xưa Sư có bệnh, Minh Tàng Thiên sư đến thăm bệnh, thấy hai người to lớn bung hoa sen trắng đến trước bảo rằng: “Sư từ vô thủy đã làm tổn hại hữu tình nên nay bị bệnh nhẹ và được dứt hết.” Sư nhìn đại chúng chấp tay mà nghe, đầy không phải là do sức dịch Bát-nhã mà chuyển thọ báo nặng thành nhẹ đó sao? Ngày xưa khi du học Thiên Trúc, Sư đưa tay xoa hàng tòng thẳng tấp bảo: “Ta sang Tây cầu pháp thì người nên chia nhánh về Tây, nếu ta trở về thì người trở nhánh về Đông.” Khi Sư đi rồi quả nhiên cây chia nhánh về Tây. Một hôm bỗng cây chia nhánh sang Đông. Đệ tử Sư bảo: “Giáo chủ sắp về”, nhân đó gọi là Ma Đảnh Tòng. Sư đến Thiên Trúc gặp Tông Long Thọ muốn theo học, dám học trò bảo Sư uống thuốc để được trường sinh thì mới nghiên cứu đến cùng Tông chỉ được. Sư tự nghĩ: Mình vốn muốn tìm Kinh chỉ e tiên thuật không đạt được thì sẽ phụ ước nguyện trước, Sư bèn đến học Pháp Tướng với ngài Giới Hiền, ngài truyền cho Tông Duy Thức. Khi đó ngài Giới Hiền đã một trăm lẻ ba tuổi, do Đức Văn-thù dặn dò gởi gắm nên ngài nán chết để chờ Sư Huyền Trang. Ngài Giới Hiền dùng Tam Thời Giáo: Một là có, hai là không, ba là chẳng không chẳng có. Khởi Tín Luận tuy do ngài Mã Minh soạn ra đã lâu nhưng không được lưu truyền, Sư bèn dịch Luận ấy từ tiếng Hán thành tiếng Phạm, khiến được truyền khắp năm cõi Thiên Trúc, lại được truyền yếu đạo ấy là do công của Sư.

### PHÁP SƯ KHUY CƠ

Sư người Đại Quận, là con của Kim Ngô Vệ Tướng Quân Uất Trì Kính Tông. Mẹ họ Bùi nằm mộng thấy nuốt mặt trăng mà sinh ra Sư. Sư mới sáu tuổi mà thông minh hơn người lớn, ở cổ có ngọc chắm, chỉ tay như ấn. Khi còn rất bé đã biết viết sách. Ngày xưa Huyền Trang Tam tạng nhật được đưa bé ở Tây Vực thông minh tuyệt luân. Có lần dất đến



Kính Tông. Tông bảo Cơ ra lạy Huyền Trang, khiến đọc sách binh thư chính Cơ làm ra cả mấy ngàn lời. Mấy lần Trang nhìn cậu bé. Khi Cơ đọc xong thì ngài bảo đó là cổ thư, khiến cậu bé đọc lại thì không sai một chữ. Kính Tông giận dữ cho là Cơ gạt mình, định đem giết. Trang đến dắt đi xuất gia. Nhân nhớ lúc xưa còn ở Thiên Trúc, khi trở về nước bèn đem đứa bé đi theo. Thầy bói nói: “Thầy về tới Đông độ thì đệ tử sinh ra. Sấm Ký đã ngầm phù hợp. Bèn đem việc đó nói cho Kính Tông nghe, Tông bảo: Đứa bé này ương ngạnh đâu chịu nghe lời”. Trang nói: “Cậu bé này là quý vật, không phải Tướng Quân thì không sinh vào, không phải bần Đạo thì không biết”. Cuối cùng Tông đành bằng lòng. Cơ nổi giận nói: “Nếu cho con ba điều: Không đoạ dục, được ăn cá thịt, ăn quá ngọ thì con vâng lời”. Trang nghĩ trước đây cậu ta đã bị dục trói cột, bèn giả bộ nhận lời. Năm Chánh Quán hai mươi một vâng chiếu vua, Cơ xuống tóc, khi đó mười bảy tuổi ở tại chùa Quảng Phước. Khuy Cơ học được của ngài Huyền Trang các thứ Du Già Sư Địa, Duy Thức Tông Chỉ và đã soạn thuật Số sao có cả trăm bộ. Người thời đó gọi là Bách Bộ Luận Sư.

Có người thỉnh Sư giảng Pháp Hoa, Sư có soạn bộ Huyền Tán Đại Số mười quyển. Tháng mười một năm Vĩnh Thuần thứ nhất, Sư thị tịch ở Viện Phiên Kinh Từ Ân. Vua viết bài Tượng tán và sắc lệnh cho các chùa vẽ hình Sư để thờ và được chôn gần phần mộ của ngài Huyền Trang.

Ngài Nghĩa Thần Trí nói: Huyền Tán của Từ Ân là giải Pháp Hoa đều không có các nghĩa lập hạnh nhiếp pháp nhập tâm thành quán... chuyên dùng Định Tánh Diệt Chủng của Duy Thức Luận để hiểu Kinh này, đây chỉ viện dẫn khổng Quyền Văn để chứng Thật Giáo. Song việc luận về chuyên cảnh của tám Thức có rộng hẹp và chuyển Thức thành Trí, cột Trí thành Thân cùng các thuyết tạo nghiệp thọ báo... công lao rất nhiều.

### DU GIÀ MẬT GIÁO :

- Sơ Tổ: Kim Cang Trí Quán Đảnh Quốc Sư.
- Nhị Tổ Bất Không Quán Đảnh Quốc Sư.
- Tam Tổ Tuệ Lãng Quán Đảnh Pháp Sư.
- Long Môn Vô Úy Pháp sư.
- Đại Tuệ Nhất Hạnh Pháp sư.

Chuyên trì Mật ngữ để mong được hiển bày linh nghiệm, thì

không giống như người hiểu Đệ nhất nghĩa, một khi ngộ được Diệu tâm thì ngay ở trên tòa mà được giải quyết. Cho nên phải làm trong sạch ba Nghiệp, rành rõ Nghi Quỹ, chuyên tụng thần chú khóa đủ vạn ức, trải nhiều năm tháng mà có công dụng trở thành không gián đoạn. Chú tâm tinh luyện gấp vạn lần mới có được một cảm ứng. Chỉ do giáo của năm bộ Du Già mà tất cả hạnh quả rộng lớn đều gồm đủ, nhưng chỉ cốt dùng giữ nước cứu đời là cốt yếu. Đây chính là Tạng Dụng Hiển Nhân của Phật giáo. Nay đề phòng những việc bên ngoài gây sự bất tín nên soạn phần Du Già Mật Giáo Chí (tiếng Phạm là Du Già, Hán dịch là Tướng Ứng, nghĩa là các pháp Cảnh, Hạnh, Quả của tất cả các Thừa đều tương ứng).

### 1. SƠ TỔ QUỐC SƯ KIM CANG TRÍ

Sư người Tây Vực, chính Sư truyền pháp cho Long Trí A-xà-lê. Đời Đường, năm Khai Nguyên thứ bảy, Sư đến Nam Hải Quảng châu. Nghe lời đồn, vua bèn mời vào yết kiến, Sư đến nghỉ ở chùa Đại Từ ân. Mùa hạ bị hạn hán vua bảo Sư cầu mưa. Sư lập đàn, vẽ tượng Thất Cu Chi ước định rằng: Khi tượng mở mắt thì trời mưa. Tròn ba ngày thì quả nhiên tượng mở mắt. Có thần từ đàn tròng trải mây đầy không trung, phút chốc mưa ào xuống, vua khen ngợi. Năm sau, Sư xin sang Nhạn Môn, vua không thuận. Sư dời về ở Tiến Phước, Sư đến chỗ lập đàn cầu mưa trước đây để xây dựng ra đạo tràng Quán Đảnh. Tháng tám năm Khai Nguyên thứ hai mươi Sư bảo các môn đồ rằng: “Lúc trăng tròn sáng ta sẽ tịch.” Đến ngày hẹn Sư đi nhiều quanh tượng Phật Tỳ-lô-già-na, đánh lễ Kinh Tạng lá bối rồi ngồi kiết già mà hóa. Vua thụy phong là Quán Đảnh Pháp sư, tháp Sư ở Y Xuyên.

### 2. NHỊ TỔ QUỐC SƯ BẤT KHÔNG

Sư người Tây Vực. Lúc nhỏ Sư theo chú tham quan nước Quang Thượng, gặp ngài Kim Cang Trí theo học nghĩa Du Già, ngài trao cho bộ Thanh Minh Luận bằng tiếng Phạm, chỉ trong một tuần nhật thì Sư thuộc lòng. Ngài Kim Cang Trí lấy làm lạ dẫn Sư vào Kim Cang đạo tràng rồi thí nghiệm bằng cách ném hoa thì biết Bất Không hơn mình. Lúc mới cầu pháp, Sư mộng thấy các tượng Phật ở Kinh Sư đều đi về phương Đông. Khi tỉnh dậy Sư đem việc hỏi ngài Kim Cang Trí. Ngài nói: “Ông có tư chất thọ đạo, ta nào dám giữ riêng”, liền trao cho Sư năm bộ và các Nghi pháp Tô- tất- địa. Khi ngài Kim Cang Trí tịch rồi, Sư theo lời di giáo của ngài mà sang Tây Thiên Trúc, đến nước Sư Tử

gặp ngài Long Trí học mười tám Hội Kim Cang Quán Đảnh, Đại Bi Thai Tàng và pháp lập Đàn Tràng. Sư truyền kinh luận đến hơn năm trăm bộ. Năm Khai Nguyên thứ hai mươi chín, từ nước Sư Tử, Sư trở về đến Quảng châu. Thái Phổng Sứ là Lưu Cự Tế thỉnh Sư lập Quán Đảnh Đàn Pháp, cảm được Đức Văn-thù hiện thân cho thấy, cứu độ ngàn vạn người. Năm Thiên Bảo thứ nhất, năm nước Tây Thành, Đại Thạch, Khang Cư... vào xâm lấn An Tây. Vua mời Sư vào triều, vua đích thân bưng lư hương, Sư tụng Nhân Vương Hộ Quốc bằng mật ngữ, mới tụng được mười bốn biến thì vua thấy có binh Thần khoảng năm trăm người mặc giáp cầm mác đứng ở Sân điện, Sư bảo: Đây là Độc Kiện, con thứ hai của Tỳ-sa-môn Thiên Vương, thể theo ý của Bệ hạ đến cứu Tây An, xin bệ hạ thiết tiệc để sai khiến. Đến tháng tư có biểu ở Tây An tâu rằng: Ngày mười một tháng hai, ở phía Đông bắc thành, trong mây đen có thấy Thần Kim giáp mình cao hơn một trượng ở trên không trung đánh trống thổi tù và tiếng vang to chấn động trời đất, trong quân trướng có chuột vàng cắn đứt dây cung, nên giặc năm nước rút chạy. Phút chốc thấy trên thành lầu hiện hình Thiên Vương, bèn vẽ hình tượng cẩn thận dâng lên Thánh Thượng. Lúc đó đúng vào ngày Sư tụng chú vậy. Vua bèn ra lệnh các Đạo đặt tượng thờ Thiên Vương tại phía Tây bắc của Thành (nên nay trên Quân Doanh của lầu thành đều lập Thiên Vương Đường là do chuyện này). Mỗi khi Sư cầu nguyện thì đều giăng màn thêu năm màu, ngồi trên tòa tay cầm Mộc thân. Khi tụng chú ném tượng ra, Thần tự đứng ở tòa. Có bốn chúng đều vây quanh nhìn kỹ thấy hai mắt tượng máy động, đều rùng mình sợ hãi. Cả hai triều vua Túc Tông và Đại Tông đều tôn Sư làm Quốc Sư. Sư thường đem lý rốt ráo để khai phát cho vua. Vua lại tặng Sư chức Hồng Lô Khanh. Tuổi về già Sư có bệnh, vua lại ban thêm chức Khai Phủ Nghi Đồng Tam Ty Túc Quốc Công, có thực ấp đến ba ngàn hộ nhưng Sư từ chối không nhận. Vua ban hiệu là Đại Quảng Trí Tam tạng. Đến tháng sáu năm Đại Lịch thứ chín Sư thị tịch ở chùa Đại Hưng Thiện. Vua bãi triều ba ngày, vua ban lễ tế tự và tặng chức Tư Không, lại thụy phong là Đại Biện Chánh Quảng Trí. Thập thờ xá-lợi Sư ở nơi ở cũ. Sư dịch được bảy mươi bảy bộ kinh, các đệ tử được pháp tụng chú, có Tuệ Lãng là bậc nhất. Cho nên ở Đông Hạ coi Kim Cang Trí là Sơ Tổ, Bất Không là Tổ thứ hai, Tuệ Lãng là Tổ thứ ba. Và đệ tử của ngài Bất Không là Tuệ Quả. Khoảng năm Nguyên Hòa, có Sư Không Hải người Nhật Bản vào Trung Quốc theo học với Tuệ Quả, khi về nước truyền bá Đạo này rất thịnh hành (truyện về Tuệ Lãng Pháp sư thì Bản Ký bị mất).

Ngài Khải Am nói: Hoa Nghiêm đốn bày Biệt viên thì không phải đợi đến dùng mật. Ở Lộc Uyển chỉ nói Tiểu thừa thì chưa cầu dùng Mật, chỉ có hai thời Phương Đẳng và Bát-nhã do muốn chuyển Tiểu thành Đại và khắp dẫn mọi Cơ và Biệt viên, nên ở thời này Như Lai mới bắt đầu dùng hai thứ Hiển Mật. Như về Pháp Hoa Khai Hiển thì không Tiểu thừa không Đại thừa mà đều nhập vào Nhất thừa (Phật Thừa). Bèn như Mặt trời lúc đúng Ngọ, không lệch bóng. Đã nói là Mật sao còn bày lập? Từ các ngài Kim Cang Trí... vì là cơ duyên đời Mật pháp, có thích hợp với Mật Giáo, nên truyền sang Đông độ, được gọi là Một Tông. Còn những người nối pháp sau đó thì sự linh nghiệm càng yếu kém. Cuối đời Đường loạn ly, các Kinh Sớ đều mất mát. Nay Pháp này chỉ thành hành ở Nhật Bản, còn nước Trung Quốc ta gọi là Du Già thì chỉ còn pháp sự mà thôi.

### 3. PHÁP SƯ VÔ ÚY

Sư là hậu duệ của Cam Lộ Phạn Vương, nhường ngôi từ bỏ vinh hoa xuất gia học đạo. Chỗ nào Sư đến nói pháp tất có điềm lạ. Sư đến nước Ô- trà diễn giảng kinh Giá- na. Chúng thấy bốn chữ vàng Tỳ-lô-giá-na hiện trên không trung đường kính đến mấy trượng (câu này đáng lẽ phải viết theo lối chữ Phạn). Kịp khi qua Long Hà, lạc đà chở Kinh phải lội xuống nước, Sư Vô Úy cũng đi theo. Long vương thỉnh Sư vào cung. Sư giảng Pháp ba ngày. Năm Khai Nguyên thứ tư, Sư đến Trường An. Trước đó vua nằm mộng thấy có Phạm Tăng vào yết kiến, khi tỉnh dậy vua cho thợ vẽ hình trên vách. Đến khi Sư vào gặp vua thì quả đúng y người thấy trong mộng. Bèn tiếp đãi Sư ở chùa Tây minh gọi là Giáo Chủ. Mùa thu gặp hạn hán, vua mời Sư cầu mưa. Sư lấy định số biết là khó bèn bảo rằng: Muốn khiến mưa chỉ sợ rộng quá dữ, Sư khuyến dụ: Hạn hán lâu ngày dân chúng khổ sở lắm rồi. Gặp mưa to gió lớn nổi lên cũng đủ khoái ý rồi. Sư liền bưng bình bát và cầm dao nhọn quấy vào rồi tụng Mật Ngôn một trăm biến. Bỗng có con vật giống như con nòng nọc cất đầu bay khỏi bát, khí trắng đầy không trung. Sư bảo Sư giả mau trở về. Sư về nhìn thấy mây đen dày đặc từ giảng đường cuộn lên không trung. Rồi thì mưa giông gió giạt thổi tốc các mái tranh suốt cả ngày mới dứt và nước dâng tràn không ngớt. Sư bèn lấy đất nhào nặn hình năm bà rồi đọc tiếng Phạm và quát lớn, mưa liền tạnh. Sư đã dịch các Kinh Tỳ-lô-giá-na, Tô tất địa, Yết- la... hơn mười bộ. Đệ tử Sư là Bảo Nguyệt Nhất hạnh đều học đạo đầy đủ. Sư mấy lần xin trở về Tây Vực, nhưng vua an ủi không cho. Năm Khai Nguyên thứ hai mươi

ba, Sư thị tịch nhưng nhục thân không hư. Tháp Sư ở núi phía Tây Long Môn (Vua Tống Thái Tổ, năm Càn Đức thứ chín, đến chùa Quảng Hóa ở núi Long Môn tại Lạc Dương, hỏi thăm tháp Vô Úy Tam tạng và đến chiêm ngưỡng nhục thân).

#### 4. PHÁP SƯ NHẤT HẠNH

Sư là cháu của Trương Công Cẩn. Lúc đầu theo ngài Phổ Tịch xuống tóc. Lô Hồng mới gặp Sư lần đầu đã cho là lạ bèn bảo Tịch rằng: “Cậu bé này anh làm thầy không được đâu, phải cho theo Nam Tuân ở phía Đông.” Sư đến đâu thì mọi người quỳ mọp đón tiếp. Phàm các thứ âm dương sấm vĩ bằng lá bối ở Tây Trúc không thứ nào Sư không nghiên cứu cặn kẽ và Sư truyền Mật Giáo của các ngài Kim Cang, Vô Úy. Sư đã kết tập các Kinh số Tỳ-lô-giá-na để dâng Đản Quán Đảnh, học được năm bộ pháp Du-già. Sư đến chùa Quốc thanh để tham học với các Lão Tăng. Lúc đầu Sư đến, Tăng Bồ Toán gọi thị giả bảo rằng: “Sẽ có đệ tử cầu toán pháp của ta, trừ một bài toán là trước cửa nước khe chảy từ Tây mới đến”. Sư đột ngột bước vào cúi đầu học lấy bí quyết xong thì nước lại rút về phương Đông. Từ đó Sư rất giỏi toán pháp. Năm Khai Nguyên thứ ba, vua mời Sư vào bộ kiến, vua hỏi Sư về Pháp xuất thế và Đạo an quốc trị dân. Người thời ấy gọi Sư là Thiên Sư. Vua hỏi về vận nước. Sư đáp: “Xe loan đi Vạn lý xã tắc ắt chung cát.” Rồi đưa hộp vàng bảo khi đến Vạn lý thì mở ra xem. Bèn mới trở về được một quãng đường thì có loạn An Lộc Sơn. Vua phải lánh sang Thành Đô đến cầu Vạn Lý thì mới biết lời sấm “phải trở về” mà dứt hết ưu phiền. Còn “chung cát”, tức đến đời Chiêu Tông thì dứt mất, vì Chiêu Tông từng được phong làm Cát Vương. Lý Ấu con của Vương Thị bị ngòi tù phải tội chết, cầu cứu với Sư. Sư bảo bắt bảy con heo con mỗi ngày nhốt một con trong hũ trét kín nắp bằng bùn Lục nhất, đọc chú bảy ngày thì sao Bắc Đẩu lặn mất. Thái tử tâu lên vua là có đại biến. Sư khuyên vua nên đại xá. Ấu Tử nhân đó được thả. Bèn mỗi ngày thả một con heo con, đến bảy ngày sau thì sao Bắc Đẩu lại hiện ra đầy đủ. Sư chưa hết lo thì ở tòa Yên công, Quán Vương chứa củi toan mưu phản, Sư bảo Yên Công rằng: Đây chỉ là Pháp Tranh Tiên mà thôi. Nếu đọc bốn câu thừa trừ của bản đạo thì người người đều là quốc thủ.

Bình Hòa Phác bảo Doãn Am rằng: Lạc Hạ Hoàn khi làm lịch thì tám trăm năm chỉ sai có một ngày sẽ có Thánh nhân xác định lại. Đến khi Đại Diễn Lịch ra đời lời Hoàn nói đều ứng nghiệm. Năm Khai Nguyên mười lăm, Sư theo vua đi Tân Phong, giữa đường bị bệnh.

Vua mời mười Đại Đức ở Kinh Sư lập đàn cầu phước cho Sư. Ngày tám tháng mười Sư thị tịch ở chùa Hoa Nghiêm, lưu khám Sư hai mươi một ngày nhưng dung mạo Sư vẫn như hồi còn sống. Tháp Sư ở Đồng Nhân Nguyên. Vua thụy phong cho Sư là Đại Tuệ Thiên Sư. Sư có soạn Dịch Luận, Đại Diễn Lịch có trong Mục Lục của Đường Thư Nghệ Văn Chí.

### NAM SƠN LUẬT HỌC:

Thủy Tổ, Đàm Vô Đức Tôn giả (dịch là Pháp Chánh, đệ tử của Tôn giả Cúc-đa là chủ Tứ Phần Luật, Tông Nam Sơn).

Nhị Tổ, Đàm-ma-ca-la Tôn giả (dịch là Pháp Thời, Sa-môn ở Tây Trúc. Lúc đầu nương vào Tứ Phần và Thập Sư mà thọ giới. Xa nối ngài Pháp Chánh).

Tam Tổ, Bắc Đài Pháp Thông Luật Sư (thời Hiếu Văn Đế đời Nguyên Ngụy vốn xưa học luật Tăng-kỳ, nhân khảo học với ngài Thế Thủ được truyền cho Luật Tứ Phần, xa nối ngài Pháp Thời).

Tứ Tổ, Vân Trung Đạo Phúc Luật Sư (là đệ tử của ngài Pháp Thông. Đầu tiên soạn Số Số Khoa sáu quyển để giải thích Luật Tứ Phần).

Ngũ Tổ, Đại Giác Tuệ Quang Luật Sư (lúc đầu theo ngài Phật-đà Thiên sư xuất gia. Ngài Phật-đà bảo: “Cậu bé này trước cần phải thông suốt Luật. Luật là nền tảng của Tuệ, nếu không phải Trí thì không vâng thờ. Nếu mới đầu theo Kinh Luận ắt coi thường giới”. Do đó nương ngài Đạo Phúc mà thông suốt Tứ Phần Luật. Ngài soạn Số mười quyển).

Lục Tổ, Cao Tề Đạo Vân Luật Sư (theo học với ngài Tuệ Quang. Sư có soạn Số Sao chín quyển, sửa định giải thích văn rất rộng).

Thất Tổ, Hà Bắc Đạo Hồng Luật Sư (theo học với Đạo Vân, cũng soạn Số Văn).

Bát Tổ, Hoàng Phước Trí Thủ Luật Sư (trước khi học giới, ở trước tháp cổ Phật đã cầu nguyện mong hiển ứng linh nghiệm, được Phật xoa đầu, thân tâm Sư thanh thản mới biết cảm kích giới hạnh và tìm xem Luật Bộ gặp được nhiều văn nói về Luật, liền theo học với ngài Đạo Hồng. Sư có soạn Số được hai mươi quyển).

Cửu Tổ, Nam Sơn Đạo Tuyên Luật Sư (Khinh Trọng Nghi nói rằng: Nói tông chỉ ngài Trí Thủ Luật Sư).

Thuở xưa ở vườn Lộc Uyển vì gặp những người chưa được thuần thục nên Phật chế ra các giới luật để làm trong sạch ba nghiệp. Đã có

nhiều lần quở trách, lại giúp mọi người nghe thấy mà được hiển sáng. Ở đời có người theo học tất có kẻ sẽ bị lỗi về Thừa thì gấp, mà Giới thì hoãn. Cho nên trong đêm nhập Niết-bàn, Phật nói “Phù Luật Đàm Thường” để giúp kẻ hậu lai đừng coi thường việc học giới. Đó là dùng tâm trí thường để vâng giữ luật nghi. Khác với việc suốt mười hai năm chỉ riêng hoằng hóa cái học ba tạng. Chỉ có Sư Nam Sơn là xa nổi lời Phật dặn dò, chuyên về Tỳ-ni, thuật đủ điều chương, rành rẽ trì phạm, thì do đó thích hợp cơ nghi đời sau. Những kẻ nhập Đạo ai cũng noi theo đây. Tam Học nương nhau, đây là bước đầu. Do đó mà soạn phần Nam Sơn Luật Học Chí sau đây.

### 1. PHÁP SƯ ĐẠO TUYỀN

Sư họ Tiền, người ở Kinh Triệu. Bà mẹ nằm mộng thấy có vị Phạm Tăng bảo rằng: “Nhân giả có mang ngài Tăng Hựu Luật Sư ở đời Lương đó.” Rồi có thai trọn mười hai tháng mà sinh ra Sư. Đến chín tuổi thì Sư xem khắp các sách, mười hai tuổi đã giỏi về bút mực, mười lăm tuổi thờ Nhật Nghiêm Quân Công làm thầy, mười sáu tuổi tụng Pháp Hoa hai tuần nhật và thấu suốt. Năm mười bảy tuổi xuống tóc. Năm hai mươi tuổi nương ngài Trí Thủ Luật Sư thọ giới Cụ túc. Sư luôn đắp ba y bằng vải xấu, thường ngồi, ngày chỉ ăn một bữa. Năm Võ Đức thứ tư, Sư lại nương ngài Trí Thủ học Luật, tánh thích Thiền na nguyện tu Chánh Định. Nghiêm Quân bảo rằng: Giới tịnh thì Định sáng, nhân đó Tuệ mới có chỗ nương nhờ. Sư mới nghe chưa rãnh để nghiên ngẫm tìm hiểu nên đâu biết “Phạm Trì” là gì. Năm Võ Đức thứ bảy, Sư dời đến ở Trữ Ma-lan-nhã tại Chung Nam. Sư mới viết ra Hành Sự Sao. Năm Chánh Quán thứ tư, Sư tu Bát-nhã Tam-muội tại Thanh Cung Tinh xá. Trải qua chín mươi ngày thì Rộng biến thành hình người đến lễ bái nghe pháp. Nhân có Sa-di nhiệm tâm nhìn ngó mấy cô gái, Rộng nổi giận muốn giết, nhưng nghĩ Sư đã dạy giới nên liền bỏ ác ý, chỉ ngậm độc nhả trong giếng rồi thưa Sư chớ uống nước ấy. Khi Sư đến xem thì nước giếng sôi sục. Sư ở lại chùa Vân Tế tu Tam-muội này, trước sau hai mươi hội, thường cảm đến Thiên Đồng tới hầu hạ. Năm Chánh Quán mười chín, Sư giúp ngài Huyền Trang dịch kinh ở Hoàng Phước, làm bút thọ sửa văn được tôn là hàng Thượng Thủ. Năm Vĩnh Huy thứ nhất, Sư lại về ở Trữ Ma, do lao tâm mà sinh bệnh. Bồng Tỳ-sa-môn Thiên Vương trao cho phương thuốc bổ tim (nay trong phương thuốc có thang Thiên Vương Bổ Tâm Đan), lại bảo Sư rằng: Thời này cuối đời Tượng Pháp, không tu thiền Tụng mà chỉ lo xây cất Già-lam sợ e không phải là chánh nghiệp

của Tỳ-kheo. Sau Sư ở chùa Tây minh nhân giữa khuya đi kinh hành, chân vấp vào bậc thềm thì như có Thần nâng chân, Sư hỏi “Ai đó?”, bèn đáp: “Con là Na Tra con của Bắc Thiên Vương, vâng lệnh đến hộ vệ.” Sư nói: “Thái tử có oai lực rất tự tại nên cố gắng đến làm Phật sự ở Thiên Trúc.” Thái tử liền trao cho Sư chiếc răng Phật cực quý. Sư chỉ dùng hành đạo ban đêm, ngày thì dấu kín, chỉ có đệ tử là Văn Vãng biết mà thôi. Sư giao tiếp với Thiên thần nói dấu linh côi này với Thánh tích ở Tây Thiên, kể ra có đến ba ngàn tám việc, Sư vừa hỏi vừa ghi chép mà soạn thành bộ “Cảm Thông Truyện.” Sư ngồi Hạ có công đức mà cỏ thơm mọc ở sân, nơi Sư ẩn cư đất phun suối ngọt. Chỉ viết sơ lược Tục truyện mà hồng Nho đều khâm phục. Vua ban đất để xây đàn thì Phạm Tăng khen ngợi bèn tặng cho hoa thơm trái lạ, hàng phi nhân dâng cho Cam lồ và danh hương. Các việc như thế không thể ghi hết. Mùa Xuân năm Càn Phong thứ hai, Thiên Nhân lại báo cho Sư rằng: “Báo duyên Sư sắp hết sẽ sinh vào nội cung Di-lặc.” Ngày ba tháng mười chúng thấy trên không trung bày nhiều hoa lạ phan báu và mùi hương lạ và nhạc trời vang rền, Thiên Nhân đồng thỉnh Sư về cung Di-lặc. Vua nghe việc liền ra chiếu các tự viện trong thiên hạ nên vẽ hình Sư để thờ cúng. Vua Mục Công viết bài Tán có câu rằng: Đời có bậc giác ngộ là Sư giả của Như Lai, Rồng Quỷ đều quy y, trời Thần cùng kính thờ. Tiếng bay khắp năm cõi trời, lời vang muôn dặm. Kim Ô lặn phương Tây, Phật nhật mọc phương Đông. Cúi đầu làm Tông chủ mở đầu Luật nghi. Vua Ý Tông đời Tống thụy phong cho Sư là Trừng Chiếu. Sư có soạn: Sạn Định Tăng Giới Bản (một quyển nay còn lưu hành), San Định Tỳ-kheo Ni Giới Bản (một quyển), Chú Tăng Giới Bản (ba quyển), Giới Sở (bốn quyển), Chú Yết-ma Kinh (hai quyển), Yết-ma Sở (bốn quyển), Hành Sự Sao (ba quyển), Ni Giới Bản (một quyển), Tỳ-kheo Ni Sao (ba quyển), Thập Tỳ-ni Nghĩa Sao (ba quyển), Vong Vật Khinh Trọng Nghi, Chương Phục Nghi, Quy Kính Nghi, Chánh Hạnh Sám Hối Nghi, Tân Học Giáo Giới Nghi (mỗi thứ nhất quyển), Pháp Hoa Nghĩa Uyển (ba mươi quyển mất bản), Thích-ca Phương Chí (hai quyển), Phật đạo Luận Hành (bốn quyển), Tục Cao tăng Truyện (ba mươi quyển), Hậu Tục Tăng Truyện (mười quyển), Quảng Hoàng Minh Tập (ba mươi quyển), Tam bảo Cảm Thông Ký (hai quyển), Thiên Nhân Cảm Thông Truyện (một quyển), Đại Đường Nội Điển Lục (mười quyển).

Ngài Khải Am nói rằng: Sư Trừng Chiếu nhiều lần cảm mộ Thiên thần, dẫn chứng cơ các tướng luật, tham khảo các dị bộ, lấy luật Tứ Phần làm gốc mà soạn thuật các Sở sao, chê phá các nhà, chỉ căn cứ



vào thuyết của Thành Thật Luận Sư, lấy năm nghĩa chung của Đại thừa lập làm Viên Tông Giới Thể (Sư Nhật Bản làm vấn nạn). Lại lập ba thứ Sát Pháp không nương vào Phương Đăng Phổ Hiền. Bèn lấy Duy Thức Biệt giáo làm Pháp Sát Trùng Quán cho kẻ sơ tâm đời Mật Pháp. Phán định ngôi vị của Sư quá cao không đâu không nghị bàn.

## 2. LUẬT SƯ DUẨN KHAM

Tích hiệu là Trí Viên. Khoảng năm Khánh Lịch, Sư làm chủ chùa Bồ-đề ở Tây hồ tại Tiền Đường, có soạn bộ Hội Chánh Ký để giải thích lời Sao của Nam Sơn. Sau đó ngài Chiêu Luật Sư in ra. Nhân tranh luận về việc đi nhiều Phật bên trái hay bên phải, dùng y dài hay ngắn mà riêng soạn bộ Tư Trì Ký. Vì thế Hội Chánh Tư Trì phân làm hai nhà.

## 3. LUẬT SƯ NGUYÊN CHIẾU

Sư họ Đường ở Dư Hàng. Lúc đầu nương ngài Tường Phù Giám Luật Sư. Năm mười tám tuổi tụng thông Diệu Kinh, nhân thi kinh mà được độ, rồi chuyên học Tỳ-ni. Sau cùng với Sư Trạch Anh theo học ngài Thần Ngô Khiêm Sư. Ngài Thần Ngô bảo: “Đời gần đây Luật học sẽ yếu dần, người nên nói Pháp Hoa để hoằng hóa bốn phương.” Rồi Sư theo ngài Quảng Từ Tài Pháp sư thọ giới Bồ-tát. Ánh sáng giới giúp Sư phát sáng (thấy rõ trong truyện Tài Pháp sư). Sư bèn rộng nghiên cứu một Tông Nam Sơn về Đốn Tiệm Luật Nghi. Sư thường đắp y vải, trì bát, khát thực ở chợ. Sư làm chủ chùa Linh Chi ba năm, học chúng có đến ba trăm người. Ngài Nghĩa Thiên từ xa đến cầu pháp, Sư trình bày Đại yếu và truyền cho giới Bồ-tát. Chưa bao lâu có đến vạn Hội, truyền thêm giới để độ Tăng có đến sáu mươi hội. Sư lại thí thực, cầu phước, việc ứng nghiệm rất linh hiển. Khi đến Già-lam nào Sư đều kết giới và bảo rằng: “Sống dạy Luật nghi, chết sinh An Dưỡng, bình sinh chỉ cốt được hai việc đó.” Mùa Thu ngày một tháng chín năm Chánh Hòa thứ sáu, Sư tập chúng, phúng tụng phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện rồi ngồi kiết già mà hóa. Ngư dân trên hồ đều nghe tiếng nhạc trời. Táng Sư ở phía Tây bắc của chùa. Vua thụy phong là Đại Trí, Tháp đề Giới Quang. Sư thường bảo học trò rằng: “Hóa độ đời không gì bằng giảng thuyết, giúp đời sau không gì bằng viết sách.” Sư bèn soạn Tư Trì Ký (Giải thích Sự Sao), Tế Duyên Ký (giải thích Yết-ma Sở), Hành Tông Ký (giải thích Giới Sở), Trụ Pháp Ký (giải thích Di Giáo Sở), Báo Ân Ký (giải thích Lan Bốn Sở), Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, Tiểu Bốn Di-đà đều có Nghĩa Sở. San định Ni Giới Bản có hơn trăm quyển, Tập

Trước Chi Viên Tập hai mươi quyển.

Ngài Khải Am nói: Luật Sư là bậc anh tài pháp khí lớn. Ngài Thần ngộ truyền ký Tứ Phần, Sư đều thấu suốt. Nhưng Sư lại riêng làm Quán Kinh, Thuật Tân Số, chống việc phân chia Lý Sự, chuyên hoằng hóa kẻ độn căn, phế bỏ cách ngôn, chỉ thích ức thuyết (nói phỏng). Ngài Thảo Am bèn bổ chánh, bất đắc dĩ mà phải công kích. Đến như các Luật gia phò tôn xuất hiện phải chăng là phò việc bất nghĩa, chống nghĩa giới luật ư?